

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN Q

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

THÀNH PHỐ H

Bản án số 89/2019/HSST

Ngày 30/11/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu T

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Kiều Doãn N

2. Bà Nguyễn Thị H.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh S - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q viên tham gia phiên tòa: Ông Lưu Mạnh H – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 96/2019/HSST ngày 14/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2019/HSST-QĐ ngày 14/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quốc C, sinh năm 1983;

Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn Y, xã Đ, huyện Q, thành phố H; Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc Kinh; Tôn giáo không; Nghề nghiệp lao động tự do; Trình độ học vấn 12/12; Con ông Nguyễn Quốc Đ ; Con bà Nguyễn Thị T; Vợ Nguyễn Thị Q; Con có 03 con con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị tạm giữ từ ngày 13/10/2019 đến ngày 18/10/2019, có mặt.

2. Nguyễn Văn C, sinh năm 1976;

Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn Y, xã Đ, huyện Q, thành phố H; Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc Kinh; Tôn giáo không; Nghề nghiệp lao động tự do; Trình độ học vấn 7/12; Con ông Nguyễn Văn Y; Con bà Nguyễn Thị N; Vợ Nguyễn Thị H; Con có 03 con: con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 86/2008/HSST ngày 11/9/2008 TAND huyện T, tỉnh B xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” (đã được xóa án tích).

Bị tạm giữ từ ngày 13/10/2019 đến ngày 18/10/2019, có mặt.

3. Nguyễn Quý T, sinh năm 1988;

Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn Y, xã Đ, huyện Q, thành phố H; Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc Kinh; Tôn giáo không; Nghề nghiệp lao động tự do; Trình độ học vấn 9/12; Con ông Nguyễn Quý S; Con bà Bùi Thị T; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị tạm giữ từ ngày 13/10/2019 đến ngày 18/10/2019, có mặt.

4. Nguyễn Thế H, sinh năm 1988;

Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn Y, xã Đ, huyện Q, thành phố H; Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc Kinh; Tôn giáo không; Nghề nghiệp lao động tự do; Trình độ học vấn 12/12; Con ông Nguyễn Thế H; Con bà Vũ Thị B; Vợ Nguyễn Thị Y; Con: Có 1 con sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị tạm giữ từ ngày 13/10/2019 đến ngày 18/10/2019, có mặt.

5. Nguyễn Quý Đ, sinh năm 1985;

Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn Y, xã Đ, huyện Q, thành phố H; Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc Kinh; Tôn giáo không; Nghề nghiệp lao động tự do; Trình độ học vấn 12/12; Con ông Nguyễn Quý C; Con bà Nguyễn Thị L; Vợ Nguyễn Thị H; Con có 02 con con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 13/10/2019 đến ngày 18/10/2019, có mặt.

6. Nguyễn Phú C, sinh năm 1987;

Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn Y, xã Đ, huyện Q, thành phố H; Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc Kinh; Tôn giáo không; Nghề nghiệp lao động tự do; Trình độ học vấn 9/12; Con ông Nguyễn Phú C; Con bà Nguyễn Thị T; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 13/10/2019 đến ngày 18/10/2019, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 ngày 13/10/2019, Nguyễn Quốc C ở trang trại của gia đình thì Nguyễn Quý Đ, Nguyễn Quý T, Nguyễn Thế H cùng thôn đến chơi uống nước. C rủ Đ, T và H đánh bạc bằng tiền dưới hình thức đánh chắn thì tất cả đồng ý. C lấy 01 bộ bài chắn 100 quân bài, 01 đĩa sứ, 01 tấm thảm bằng vải

trải sẵn trên nền nhà phục vụ việc đánh bạc và cùng quy ước đánh chắn suông 4, dịch 2, có nghĩa là ù suông là 40.000 đ; ù thông là 60.000 đ; ù tôm là 80.000đ; ù lèo là 100.000 đ; ù bạch định là 120.000đ; ù tám đỏ là 140.000đ; Nếu ai ù bạch định hoặc tám đỏ thì phải bỏ ra 20.000 đ cho chủ nhà tiền thuốc, nước. Khi cả nhóm đánh bạc được khoảng 20 phút thì có Nguyễn Phú C, Nguyễn Văn C cùng thôn đến; C vào thay C để tham gia đánh bạc. C ngồi đánh bạc được khoảng 20 phút thì C nhờ C vào đánh hộ C (*C sử dụng tiền của C để đánh bạc*). C nằm nghỉ được một lúc dậy lại vào đánh thay C. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày khi các đối tượng đang đánh bạc và Nguyễn Văn C có mặt tại nơi các đối tượng đánh bạc thì bị Công an huyện Q phối hợp với Công an xã Đ phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa các đối tượng trên về trụ sở làm rõ.

** Vật chứng thu giữ gồm:*

+ 01thảm vải màu vàng đã cũ; 01 bộ bài chắn gồm 100 quân bài; 01 đĩa sứ màu trắng in hoa văn màu đỏ; Số tiền thu giữ trên thảm vải là: 5.370.000 đ; Tiền thu giữ ở mép tấm thảm: 120.000 đ; Tiền thu trên người các đối tượng 2.140.000 đ. Tổng cộng số tiền thu được 7.630.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận hành vi Đánh bạc ngày 13/10/2019 tại trang trại gia đình của Nguyễn Quốc C như sau:

1. Nguyễn Quốc C (chủ nhà): Khi tham gia đánh bạc Chính có 1.830.000 đồng. C chưa kịp cầm 120.000 đồng tiền mọi người trích ra để phục vụ thuốc nước thì bị Công an bắt giữ.

2. Nguyễn Quý T: Khi tham gia đánh bạc có số tiền 1.600.000 đồng dùng để đánh bạc. Khi Công an vào bắt quả tang để 150.000 đồng trước mặt trên chiếu bạc và tự nguyện giao nộp số tiền 940.000 đồng. Nếu không bị bắt tiếp tục sử dụng số tiền trên để đánh bạc.

3. Nguyễn Thế H: Khi tham gia đánh bạc có số tiền 1.500.000 đồng dùng để đánh bạc. Khi Công an bắt quả tang đang thắng 930.000 đồng. Tổng số tiền là 2.390.000 đồng để trên chiếu bạc trước mặt và bị thu giữ. Nếu không bị bắt tiếp tục sử dụng số tiền 2.390.000 đồng để đánh bạc.

4. Nguyễn Quý Đ: Khi tham gia đánh bạc có số tiền 1.400.000 đồng dùng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc bỏ ra ngoài chiếu cho C 40.000 đồng, quá trình đánh bạc bị thua 160.000 đồng. Khi Công an bắt quả tang thu giữ trên người Đ 1.200.000 đồng. Nếu không bị bắt tiếp tục sử dụng số tiền 1.200.000 đồng để đánh bạc.

5. Nguyễn Phú Công: Khi tham gia đánh bạc có số tiền 1.300.000 đồng dùng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc thua 260.000 đồng và 40.000 đồng bỏ ra chiếu cho chủ nhà. Số tiền còn lại để xuống chiếu bạc và bị Công an thu giữ. Nếu không bị bắt tiếp tục sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình

đánh bạc do một Công nhờ C thay chơi bạc cùng mọi người. C chơi được 02 ván thì Công lại vào ngồi thay C để đánh bạc.

6. Nguyễn Văn C: Khi đánh bạc không có tiền mà sử dụng tiền của Công để đánh bạc cùng mọi người.

Tổng số tiền C, C, T, H, Đ sử dụng vào việc đánh bạc là 7.630.000 đ, gồm: thu giữ 5.370.000 đ trên chiếu bạc trong đó có cả số tiền 1.830.000 đ là số tiền của C sử dụng vào việc đánh bạc trước đó đã nghỉ nhưng vẫn để trên chiếu bạc tại thời điểm bắt giữ; 2.140.000 đ thu giữ trên người các đối tượng đánh bạc, số tiền này các đối tượng đều tự khai nhận sẽ sử dụng vào việc đánh bạc nếu không bị bắt giữ; 120.000 đ để ở mép tấm thảm vải là số tiền các đối tượng đánh bạc bỏ ra ngoài.

Quá trình điều tra các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 93/CT- VKS ngày 14/11/2019 của VKSND huyện Q đã truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo phạm tội: “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc C từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 – 24 tháng;

Áp dụng khoản 1 điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 8 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng;

Áp dụng khoản 1 điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H, Nguyễn Phú C từ 6 đến 8 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Quý T, Nguyễn Quý Đ từ 20 đến 30 triệu đồng.

Không phạt tiền bổ sung các bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ vào điều 47 bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật; Tịch thu xung công số tiền

các bị cáo dùng vào việc đánh bạc; Những vật chứng khác là phương tiện dùng vào việc đánh bạc không có giá trị tịch thu tiêu hủy.

Về án phí hình sự: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Cơ quan Viện kiểm sát và Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về phần nội dung: Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 13/10/2019 tại gia đình Nguyễn Quốc C ở thôn Y, xã Đ, huyện Q, Công an huyện Q phối hợp với Công an xã Đ phát hiện bắt quả tang Nguyễn Quốc C, Nguyễn Quý T, Nguyễn Thê H, Nguyễn Quý Đ, Nguyễn Phú C và Nguyễn Văn C đang đánh bạc bằng tiền sát phạt nhau. Vật chứng thu giữ gồm: 01 thảm vải màu vàng đã cũ, 01 bộ bài chắn 100 quân bài và 01 đĩa sứ màu trắng in hoa văn màu đỏ và 7.600.000 đồng.

Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Quốc C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Quý T, Nguyễn Thê H, Nguyễn Quý Đ, Nguyễn Phú C về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi của các bị cáo là xâm phạm đến trật tự công cộng gây mất trật tự an ninh cần phải xử nghiêm để phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm của địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn C có nhân thân xấu năm 2008 bị TAND huyện T, tỉnh B xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” (đã được xóa án tích) nhưng không lấy đó làm bài học lại tiếp tục phạm tội.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho cải tạo tại địa

phương cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người tốt và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét vai trò của các bị cáo thì thấy Bị cáo Nguyễn Quốc C là người khởi sự rủ rê lôi kéo người khác phạm tội. Bị cáo lại dùng địa điểm của mình để cho các bị cáo khác đánh bạc phải chịu mức hình phạt cao nhất; Bị cáo Nguyễn Văn C có nhân thân xấu lại tiếp tục giúp sức cho các bị cáo khác đánh bạc phải chịu mức hình phạt cao thứ hai; Các bị cáo còn lại cho cải tạo không giam giữ và phạt tiền cũng tương xứng với hành vi phạm tội.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là đối tượng đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng:

- 01thảm vải màu vàng đã cũ; 01 bộ bài chắn gồm 100 quân bài; 01 đĩa sứ màu trắng in hoa văn màu đỏ dùng vào việc đánh bạc, không có giá trị, xét tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 7.630.000 đồng là số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc cần tịch sung công.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Quốc C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Quý T, Nguyễn Thế H, Nguyễn Quý Đ, Nguyễn Phú C** phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc C 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Quốc C cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, thành phố H quản lý, giám sát trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 8 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, thành phố H quản lý, giám sát trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án

treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

- Áp dụng khoản 1 điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H 8 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 6 (sáu) ngày tạm giữ còn tương đương 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Thế H còn phải chấp hành 7 (bảy) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, thành phố H nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Thế H cho Ủy ban nhân dân xã Đ giám sát giáo dục bị cáo H trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo H do hoàn cảnh khó khăn và việc làm không ổn định.

- Áp dụng khoản 1 điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Phú C 8 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 6 (sáu) ngày tạm giữ còn tương đương 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Phú C còn phải chấp hành 7 (bảy) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành án kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, thành phố H nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Phú C cho Ủy ban nhân dân xã Đ giám sát giáo dục bị cáo H trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo C do hoàn cảnh khó khăn và việc làm không ổn định.

-Áp dụng khoản 1 điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quý T 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

-Áp dụng khoản 1 điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quý Đ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Không phạt tiền bổ sung các bị cáo.

3. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy: 01thảm vải màu vàng đã cũ; 01 bộ bài chắn gồm 100 quân bài; 01 đĩa sứ màu trắng in hoa văn màu đỏ;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 7.630.000 (bảy triệu sáu trăm ba mươi nghìn) đồng các bị cáo dùng vào việc đánh (*theo Biên bản giao nhận vật chứng số 21/2020/THA ngày 26/11/2029 giữa Công an huyện Q và Thi hành án huyện Q và Ủy nhiệm chi số 25 ngày 21/11/2019 giữa Công an huyện Q và Kho bạc nhà nước huyện Q*).

4. Về án phí:

Áp dụng điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 củ Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu T

.